

**CÔNG TY CỔ PHẦN LICOI13-FCS**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN LICOI13-FCS

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: LICOI13-FCS JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: LICOI13-FCS

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0109814399

**3. Ngày thành lập:** 11/11/2021

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Tầng 1, Tòa nhà LICOI13, Số 164 đường Khuất Duy Tiến, Phường Nhân Chính,  
Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 024 32127029

Fax: 024 32127029

Email: [licogi13fcs@gmail.com](mailto:licogi13fcs@gmail.com)

Website: [licogi13fcs.com.vn](http://licogi13fcs.com.vn)

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                          | Mã ngành |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí                                                                              | 4322     |
| 2.  | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác                                                                                                                     | 4329     |
| 3.  | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                     | 4330     |
| 4.  | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác                                                                                                                | 4390     |
| 5.  | Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác                                                                                                     | 4520     |
| 6.  | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác                                                                                                    | 4659     |
| 7.  | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                                                                                            | 4663     |
| 8.  | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại                                                                                                          | 8230     |
| 9.  | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết:<br>- Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh           | 8299     |
| 10. | Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê<br>Chi tiết:<br>- Kinh doanh bất động sản                    | 6810     |
| 11. | Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất<br>Chi tiết:<br>- Dịch vụ tư vấn bất động sản<br>- Dịch vụ môi giới bất động sản | 6820     |
| 12. | Hoạt động tư vấn quản lý                                                                                                                           | 7020     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |      |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 13. | <p>Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan</p> <p>Chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Khảo sát địa chất công trình;</li> <li>- Lập thiết kế quy hoạch xây dựng;</li> <li>- Thiết kế kết cấu công trình;</li> <li>- Thiết kế cơ - điện công trình;</li> <li>- Thiết kế cấp - thoát nước công trình;</li> <li>- Thiết kế xây dựng công trình khai thác mỏ;</li> <li>- Thiết kế xây dựng công trình giao thông;</li> <li>- Thiết kế xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật;</li> <li>- Thiết kế xây dựng công trình phục vụ nông nghiệp và phát triển nông thôn (thủy lợi, đê điều);</li> <li>- Giám sát công tác xây dựng công trình dân dụng - công nghiệp và hạ tầng kỹ thuật;</li> <li>- Giám sát công tác xây dựng công trình giao thông;</li> <li>- Giám sát công tác xây dựng công trình phục vụ nông nghiệp và phát triển nông thôn (thủy lợi, đê điều);</li> <li>- Giám sát công tác lắp đặt thiết bị vào công trình;</li> <li>- Định giá xây dựng;</li> <li>- Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình dân dụng - công nghiệp và hạ tầng kỹ thuật;</li> <li>- Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông;</li> <li>- Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình phục vụ nông nghiệp và phát triển nông thôn (thủy lợi, đê điều);</li> </ul> | 7110 |
| 14. | <p>Kiểm tra và phân tích kỹ thuật</p> <p>Chi tiết: Thí nghiệm kiểm tra tính nguyên dạng và tính đồng nhất của cọc móng, các cấu kiện bê tông cốt thép bằng phương pháp siêu âm (Sonic) và phương pháp va đập biến dạng nhỏ (PIT); Thí nghiệm khả năng chịu tải nền móng công trình bằng phương pháp nén tải trọng tĩnh và thí nghiệm tải trọng động biến dạng lớn (PDA)</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 7120 |
| 15. | Quảng cáo                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 7310 |
| 16. | Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận (trừ hợp báo)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 7320 |
| 17. | Hoạt động thiết kế chuyên dụng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 7410 |
| 18. | <p>Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu</p> <p>Chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tư vấn thiết kế, tư vấn thẩm định, tư vấn giám sát về phòng cháy và chữa cháy;</li> <li>- Tư vấn kiểm tra, kiểm định kỹ thuật về phòng cháy và chữa cháy;</li> <li>- Tư vấn chuyển giao công nghệ phòng cháy và chữa cháy; huấn luyện, hướng dẫn về nghiệp vụ phòng cháy và chữa cháy;</li> <li>- Thi công, lắp đặt hệ thống phòng cháy và chữa cháy;</li> <li>- Dịch vụ tư vấn đấu thầu;</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 7490 |
| 19. | Cho thuê xe có động cơ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 7710 |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |      |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 20. | Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 1621 |
| 21. | Sản xuất đồ gỗ xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 1622 |
| 22. | Sản xuất bao bì bằng gỗ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 1623 |
| 23. | In ấn                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 1811 |
| 24. | Dịch vụ liên quan đến in                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 1812 |
| 25. | Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 2395 |
| 26. | Cắt tạo dáng và hoàn thiện đá                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 2396 |
| 27. | Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 2592 |
| 28. | Sản xuất máy khai thác mỏ và xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 2824 |
| 29. | Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)<br>Chi tiết:<br>- Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe taxi<br>- Vận tải hành khách bằng mô tô, xe có gắn động cơ khác.<br>- Vận tải hành khách bằng xe đạp;<br>- Vận tải hành khách bằng xe xích lô;<br>- Vận tải hành khách bằng xe thô sơ như xe ngựa kéo, xe bò kéo. | 4931 |
| 30. | Vận tải hành khách đường bộ khác<br>Chi tiết:<br>- Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô theo tuyến cố định<br>- Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng<br>- Kinh doanh vận tải khách du lịch bằng xe ô tô                                                                                                                                          | 4932 |
| 31. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ<br>Chi tiết:<br>- Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô<br>- Hoạt động chuyển đồ đặc;<br>- Cho thuê xe tải có người lái;<br>- Vận tải hàng hóa bằng xe động vật hoặc người kéo.                                                                                                                                             | 4933 |
| 32. | Kho bãi và lưu giữ hàng hóa<br>(không bao gồm kinh doanh bất động sản)                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 5210 |
| 33. | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển                                                                                                                                                                                                                                                                                | 7730 |
| 34. | Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch                                                                                                                                                                                                                                                                           | 7990 |
| 35. | Dịch vụ hệ thống bảo đảm an toàn                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 8020 |
| 36. | Vệ sinh chung nhà cửa                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 8121 |
| 37. | Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 8129 |
| 38. | Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 8130 |
| 39. | Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 8211 |
| 40. | Photo, chuẩn bị tài liệu và các hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 8219 |

|     |                                                                                           |             |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 41. | Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế                                                             | 3100        |
| 42. | Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn                                                    | 3311        |
| 43. | Sửa chữa máy móc, thiết bị                                                                | 3312        |
| 44. | Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học                                                    | 3313        |
| 45. | Sửa chữa thiết bị điện                                                                    | 3314        |
| 46. | Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác) | 3315        |
| 47. | Sửa chữa thiết bị khác                                                                    | 3319        |
| 48. | Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp                                                   | 3320        |
| 49. | Thoát nước và xử lý nước thải                                                             | 3700        |
| 50. | Xây dựng nhà để ở                                                                         | 4101        |
| 51. | Xây dựng nhà không để ở                                                                   | 4102        |
| 52. | Xây dựng công trình đường sắt                                                             | 4211        |
| 53. | Xây dựng công trình đường bộ                                                              | 4212        |
| 54. | Xây dựng công trình điện                                                                  | 4221        |
| 55. | Xây dựng công trình cấp, thoát nước                                                       | 4222        |
| 56. | Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc                                        | 4223        |
| 57. | Xây dựng công trình công ích khác                                                         | 4229        |
| 58. | Xây dựng công trình thủy                                                                  | 4291        |
| 59. | Xây dựng công trình khai khoáng                                                           | 4292        |
| 60. | Xây dựng công trình chế biến, chế tạo                                                     | 4293        |
| 61. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác                                                | 4299(Chính) |
| 62. | Phá dỡ                                                                                    | 4311        |
| 63. | Chuẩn bị mặt bằng                                                                         | 4312        |
| 64. | Lắp đặt hệ thống điện                                                                     | 4321        |

**6. Vốn điều lệ:** 50.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:**

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông                                               | Địa chỉ liên lạc<br>đối với cá nhân;<br>địa chỉ trụ sở<br>chính đối với tổ<br>chức                                                | Loại cổ<br>phần                    | Số cổ<br>phần | Giá trị cổ phần<br>(VNĐ) | Tỷ lệ<br>(%) | Số giấy<br>CMND<br>(hoặc số<br>chứng thực<br>cá nhân<br>khác); Mã<br>số doanh<br>nghiệp; Số<br>quyết định<br>thành lập | Ghi<br>chú |
|-----|-----------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|---------------|--------------------------|--------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
| 1   | CÔNG TY CỔ<br>PHẦN LICOGI<br>13 - NỀN<br>MÓNG XÂY<br>DỰNG | Toà nhà LICOGI<br>13, đường Khuất<br>Duy Tiến,<br>Phường Nhân<br>Chính, Quận<br>Thanh Xuân,<br>Thành phố Hà<br>Nội, Việt Nam      | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 2.750.0<br>00 | 27.500.000.000           | 55,000       | 0102326515                                                                                                             |            |
|     |                                                           |                                                                                                                                   | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                                                           |                                                                                                                                   | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                                                           |                                                                                                                                   | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                                                           |                                                                                                                                   | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                                                           |                                                                                                                                   | Tổng số                            | 2.750.0<br>00 | 27.500.000.000           | 55,000       |                                                                                                                        |            |
|     |                                                           |                                                                                                                                   |                                    |               |                          |              |                                                                                                                        |            |
| 2   | NGUYỄN<br>VĂN TOẢN                                        | P.1904 tòa nhà<br>Handico 6 số 1<br>Hoàng Đạo Thúy,<br>Phường Nhân<br>Chính, Quận<br>Thanh Xuân,<br>Thành phố Hà<br>Nội, Việt Nam | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 250.000       | 2.500.000.000            | 5,000        | 011691565                                                                                                              |            |
|     |                                                           |                                                                                                                                   | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                                                           |                                                                                                                                   | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                                                           |                                                                                                                                   | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                                                           |                                                                                                                                   | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                                                           |                                                                                                                                   | Tổng số                            | 250.000       | 2.500.000.000            | 5,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                                                           |                                                                                                                                   |                                    |               |                          |              |                                                                                                                        |            |

|   |                      |                                                                                                       |                           |         |               |       |              |
|---|----------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|---------|---------------|-------|--------------|
| 3 | NGUYỄN BÁ KIÊN       | Xóm 7, thôn Dực Thượng, Xã Tiên Dực, Huyện Sóc Sơn, Thành phố Hà Nội, Việt Nam                        | Cổ phần phổ thông         | 50.000  | 500.000.000   | 1,000 | 001081008572 |
|   |                      |                                                                                                       | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0       | 0             | 0,000 |              |
|   |                      |                                                                                                       | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0       | 0             | 0,000 |              |
|   |                      |                                                                                                       | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0       | 0             | 0,000 |              |
|   |                      |                                                                                                       | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0       | 0             | 0,000 |              |
|   |                      |                                                                                                       | Tổng số                   | 50.000  | 500.000.000   | 1,000 |              |
| 4 | NGUYỄN QUANG VIỆT    | P 4713 Tòa nhà HPC Lanmark 105, đường Tố Hữu, Phường La Khê, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông         | 100.000 | 1.000.000.000 | 2,000 | 111454787    |
|   |                      |                                                                                                       | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0       | 0             | 0,000 |              |
|   |                      |                                                                                                       | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0       | 0             | 0,000 |              |
|   |                      |                                                                                                       | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0       | 0             | 0,000 |              |
|   |                      |                                                                                                       | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0       | 0             | 0,000 |              |
|   |                      |                                                                                                       | Tổng số                   | 100.000 | 1.000.000.000 | 2,000 |              |
| 5 | NGUYỄN THỊ HỒNG HẠNH | Số 2/39, Ngõ 1, đường Phan Đình Giót, Phường Dương Nội, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam      | Cổ phần phổ thông         | 25.000  | 250.000.000   | 0,500 | 030190005737 |
|   |                      |                                                                                                       | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0       | 0             | 0,000 |              |
|   |                      |                                                                                                       | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0       | 0             | 0,000 |              |
|   |                      |                                                                                                       | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0       | 0             | 0,000 |              |
|   |                      |                                                                                                       | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0       | 0             | 0,000 |              |
|   |                      |                                                                                                       | Tổng số                   | 25.000  | 250.000.000   | 0,500 |              |

|   |                      |                                                                                         |                           |        |             |       |              |
|---|----------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|--------|-------------|-------|--------------|
| 6 | ĐỒNG HẢI HƯNG        | Phòng 2534 HH4C Linh Đàm, Phường Hoàng Liệt, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông         | 25.000 | 250.000.000 | 0,500 | 017084000011 |
|   |                      |                                                                                         | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0      | 0           | 0,000 |              |
|   |                      |                                                                                         | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0      | 0           | 0,000 |              |
|   |                      |                                                                                         | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0      | 0           | 0,000 |              |
|   |                      |                                                                                         | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0      | 0           | 0,000 |              |
|   |                      |                                                                                         | Tổng số                   | 25.000 | 250.000.000 | 0,500 |              |
|   |                      |                                                                                         |                           |        |             |       |              |
| 7 | ĐẶNG THỊ PHƯƠNG THỦY | P.1404 B4, TT Kim Liên, Phường Kim Liên, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam       | Cổ phần phổ thông         | 15.000 | 150.000.000 | 0,300 | 036185002982 |
|   |                      |                                                                                         | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0      | 0           | 0,000 |              |
|   |                      |                                                                                         | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0      | 0           | 0,000 |              |
|   |                      |                                                                                         | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0      | 0           | 0,000 |              |
|   |                      |                                                                                         | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0      | 0           | 0,000 |              |
|   |                      |                                                                                         | Tổng số                   | 15.000 | 150.000.000 | 0,300 |              |
|   |                      |                                                                                         |                           |        |             |       |              |
| 8 | TRẦN THẾ HUY         | 57 Nguyễn Trường Tộ, Phường Nguyễn Trung Trực, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông         | 15.000 | 150.000.000 | 0,300 | 001090027790 |
|   |                      |                                                                                         | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0      | 0           | 0,000 |              |
|   |                      |                                                                                         | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0      | 0           | 0,000 |              |
|   |                      |                                                                                         | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0      | 0           | 0,000 |              |
|   |                      |                                                                                         | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0      | 0           | 0,000 |              |
|   |                      |                                                                                         | Tổng số                   | 15.000 | 150.000.000 | 0,300 |              |
|   |                      |                                                                                         |                           |        |             |       |              |

|    |                 |                                                                                               |                           |         |               |       |              |
|----|-----------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|---------|---------------|-------|--------------|
| 9  | TRẦN VĂN HÙNG   | Số nhà 6, LK 34, khu đô thị Vân Canh, Xã Vân Canh, Huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông         | 150.000 | 1.500.000.000 | 3,000 | 013365173    |
|    |                 |                                                                                               | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0       | 0             | 0,000 |              |
|    |                 |                                                                                               | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0       | 0             | 0,000 |              |
|    |                 |                                                                                               | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0       | 0             | 0,000 |              |
|    |                 |                                                                                               | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0       | 0             | 0,000 |              |
|    |                 |                                                                                               | Tổng số                   | 150.000 | 1.500.000.000 | 3,000 |              |
|    |                 |                                                                                               |                           |         |               |       |              |
| 10 | NGUYỄN VĂN BÁCH | Xóm 1, Xã Yên Mỹ, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam                                 | Cổ phần phổ thông         | 150.000 | 1.500.000.000 | 3,000 | 027057000416 |
|    |                 |                                                                                               | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0       | 0             | 0,000 |              |
|    |                 |                                                                                               | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0       | 0             | 0,000 |              |
|    |                 |                                                                                               | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0       | 0             | 0,000 |              |
|    |                 |                                                                                               | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0       | 0             | 0,000 |              |
|    |                 |                                                                                               | Tổng số                   | 150.000 | 1.500.000.000 | 3,000 |              |
|    |                 |                                                                                               |                           |         |               |       |              |
| 11 | PHẠM VĂN ĐÔNG   | P616CT5, Khu đô thị Tứ Hiệp, Xã Tứ Hiệp, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam          | Cổ phần phổ thông         | 50.000  | 500.000.000   | 1,000 | 034084001153 |
|    |                 |                                                                                               | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0       | 0             | 0,000 |              |
|    |                 |                                                                                               | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0       | 0             | 0,000 |              |
|    |                 |                                                                                               | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0       | 0             | 0,000 |              |
|    |                 |                                                                                               | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0       | 0             | 0,000 |              |
|    |                 |                                                                                               | Tổng số                   | 50.000  | 500.000.000   | 1,000 |              |
|    |                 |                                                                                               |                           |         |               |       |              |

|    |                   |                                                                                              |                           |         |               |       |              |
|----|-------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|---------|---------------|-------|--------------|
| 12 | VŨ XUÂN HÙNG      | 2225A Tổ 4, Xã An Khánh, Huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội, Việt Nam                          | Cổ phần phổ thông         | 15.000  | 150.000.000   | 0,300 | 034093003597 |
|    |                   |                                                                                              | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0       | 0             | 0,000 |              |
|    |                   |                                                                                              | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0       | 0             | 0,000 |              |
|    |                   |                                                                                              | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0       | 0             | 0,000 |              |
|    |                   |                                                                                              | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0       | 0             | 0,000 |              |
|    |                   |                                                                                              | Tổng số                   | 15.000  | 150.000.000   | 0,300 |              |
| 13 | LẠI VĂN MẠC       | P. 1105, Tòa nhà Thủy Lợi, Phường La Khê, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam           | Cổ phần phổ thông         | 375.000 | 3.750.000.000 | 7,500 | 017214762    |
|    |                   |                                                                                              | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0       | 0             | 0,000 |              |
|    |                   |                                                                                              | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0       | 0             | 0,000 |              |
|    |                   |                                                                                              | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0       | 0             | 0,000 |              |
|    |                   |                                                                                              | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0       | 0             | 0,000 |              |
|    |                   |                                                                                              | Tổng số                   | 375.000 | 3.750.000.000 | 7,500 |              |
| 14 | PHẠM THỊ KIM THOA | C6, Lô 8, khu đô thị Định Công, Phường Định Công, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông         | 250.000 | 2.500.000.000 | 5,000 | 037179001218 |
|    |                   |                                                                                              | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0       | 0             | 0,000 |              |
|    |                   |                                                                                              | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0       | 0             | 0,000 |              |
|    |                   |                                                                                              | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0       | 0             | 0,000 |              |
|    |                   |                                                                                              | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0       | 0             | 0,000 |              |
|    |                   |                                                                                              | Tổng số                   | 250.000 | 2.500.000.000 | 5,000 |              |

|    |                  |                                                                                                             |                           |         |               |       |              |
|----|------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|---------|---------------|-------|--------------|
| 15 | BÙI TẤT THÀNH    | D02-L40, An Vượng, Khu đô thị mới Nam Cường, Phường Dương Nội, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam     | Cổ phần phổ thông         | 250.000 | 2.500.000.000 | 5,000 | C6297191     |
|    |                  |                                                                                                             | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0       | 0             | 0,000 |              |
|    |                  |                                                                                                             | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0       | 0             | 0,000 |              |
|    |                  |                                                                                                             | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0       | 0             | 0,000 |              |
|    |                  |                                                                                                             | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0       | 0             | 0,000 |              |
|    |                  |                                                                                                             | Tổng số                   | 250.000 | 2.500.000.000 | 5,000 |              |
|    |                  |                                                                                                             |                           |         |               |       |              |
| 16 | BÙI THỊ HƯƠNG    | TDP Hoàng Văn Thụ 6, Phường Dương Nội, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam                             | Cổ phần phổ thông         | 50.000  | 500.000.000   | 1,000 | 034188010526 |
|    |                  |                                                                                                             | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0       | 0             | 0,000 |              |
|    |                  |                                                                                                             | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0       | 0             | 0,000 |              |
|    |                  |                                                                                                             | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0       | 0             | 0,000 |              |
|    |                  |                                                                                                             | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0       | 0             | 0,000 |              |
|    |                  |                                                                                                             | Tổng số                   | 50.000  | 500.000.000   | 1,000 |              |
|    |                  |                                                                                                             |                           |         |               |       |              |
| 17 | NGUYỄN VĂN TUYÊN | Phòng 1406, Chung cư Himlam Thạch Bàn 2, Tổ 4, Phường Thạch Bàn, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông         | 25.000  | 250.000.000   | 0,500 | 033082001844 |
|    |                  |                                                                                                             | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0       | 0             | 0,000 |              |
|    |                  |                                                                                                             | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0       | 0             | 0,000 |              |
|    |                  |                                                                                                             | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0       | 0             | 0,000 |              |
|    |                  |                                                                                                             | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0       | 0             | 0,000 |              |
|    |                  |                                                                                                             | Tổng số                   | 25.000  | 250.000.000   | 0,500 |              |
|    |                  |                                                                                                             |                           |         |               |       |              |

|    |                        |                                                                                                                             |                                    |        |             |       |                  |
|----|------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|--------|-------------|-------|------------------|
| 18 | PHÍ HẢI<br>QUÂN        | Số 206D, Ngõ 35,<br>đường Đa Sỹ, Tổ<br>6, Phường Kiến<br>Hưng, Quận Hà<br>Đông, Thành phố<br>Hà Nội, Việt Nam               | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 25.000 | 250.000.000 | 0,500 | 0010770419<br>16 |
|    |                        |                                                                                                                             | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0      | 0           | 0,000 |                  |
|    |                        |                                                                                                                             | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0      | 0           | 0,000 |                  |
|    |                        |                                                                                                                             | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0      | 0           | 0,000 |                  |
|    |                        |                                                                                                                             | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0      | 0           | 0,000 |                  |
|    |                        |                                                                                                                             | Tổng số                            | 25.000 | 250.000.000 | 0,500 |                  |
| 19 | NGUYỄN<br>VĂN NAM      | CH406 H1-3,<br>Phường Thanh<br>Xuân Nam, Quận<br>Thanh Xuân,<br>Thành phố Hà<br>Nội, Việt Nam                               | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 15.000 | 150.000.000 | 0,300 | 168146432        |
|    |                        |                                                                                                                             | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0      | 0           | 0,000 |                  |
|    |                        |                                                                                                                             | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0      | 0           | 0,000 |                  |
|    |                        |                                                                                                                             | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0      | 0           | 0,000 |                  |
|    |                        |                                                                                                                             | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0      | 0           | 0,000 |                  |
|    |                        |                                                                                                                             | Tổng số                            | 15.000 | 150.000.000 | 0,300 |                  |
| 20 | ĐẶNG<br>TRUNG<br>THÀNH | Nhà số 10-N2,<br>đường Phùng<br>Khoang, tổ 6,<br>Phường Trung<br>Vân, Quận Nam<br>Tứ Liêm, Thành<br>phố Hà Nội, Việt<br>Nam | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 50.000 | 500.000.000 | 1,000 | 012414468        |
|    |                        |                                                                                                                             | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0      | 0           | 0,000 |                  |
|    |                        |                                                                                                                             | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0      | 0           | 0,000 |                  |
|    |                        |                                                                                                                             | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0      | 0           | 0,000 |                  |
|    |                        |                                                                                                                             | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0      | 0           | 0,000 |                  |
|    |                        |                                                                                                                             | Tổng số                            | 50.000 | 500.000.000 | 1,000 |                  |

|    |                  |                                                                                          |                           |         |               |       |              |
|----|------------------|------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|---------|---------------|-------|--------------|
| 21 | NGUYỄN XUÂN HOÀN | P.804 V2, KĐT Văn Phú, Phường Phú La, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam           | Cổ phần phổ thông         | 150.000 | 1.500.000.000 | 3,000 | 036084007171 |
|    |                  |                                                                                          | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0       | 0             | 0,000 |              |
|    |                  |                                                                                          | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0       | 0             | 0,000 |              |
|    |                  |                                                                                          | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0       | 0             | 0,000 |              |
|    |                  |                                                                                          | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0       | 0             | 0,000 |              |
|    |                  |                                                                                          | Tổng số                   | 150.000 | 1.500.000.000 | 3,000 |              |
|    |                  |                                                                                          |                           |         |               |       |              |
| 22 | TRẦN MINH ĐỨC    | P 2109-CT1B2, khu đô thị Xa La, Phường Phúc La, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông         | 100.000 | 1.000.000.000 | 2,000 | 012084000005 |
|    |                  |                                                                                          | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0       | 0             | 0,000 |              |
|    |                  |                                                                                          | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0       | 0             | 0,000 |              |
|    |                  |                                                                                          | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0       | 0             | 0,000 |              |
|    |                  |                                                                                          | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0       | 0             | 0,000 |              |
|    |                  |                                                                                          | Tổng số                   | 100.000 | 1.000.000.000 | 2,000 |              |
|    |                  |                                                                                          |                           |         |               |       |              |
| 23 | PHẠM HÙNG MẠNH   | P1230 HH02E, Xã Cự Khê, Huyện Thanh Oai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam                      | Cổ phần phổ thông         | 50.000  | 500.000.000   | 1,000 | 033087005581 |
|    |                  |                                                                                          | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0       | 0             | 0,000 |              |
|    |                  |                                                                                          | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0       | 0             | 0,000 |              |
|    |                  |                                                                                          | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0       | 0             | 0,000 |              |
|    |                  |                                                                                          | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0       | 0             | 0,000 |              |
|    |                  |                                                                                          | Tổng số                   | 50.000  | 500.000.000   | 1,000 |              |
|    |                  |                                                                                          |                           |         |               |       |              |

|    |                     |                                                                                                 |                           |        |             |       |              |
|----|---------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|--------|-------------|-------|--------------|
| 24 | NGUYỄN THỊ HỒNG ANH | Thôn 5, Xã Hương Ngải, Huyện Thạch Thất, Thành phố Hà Nội, Việt Nam                             | Cổ phần phổ thông         | 25.000 | 250.000.000 | 0,500 | 001084010421 |
|    |                     |                                                                                                 | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0      | 0           | 0,000 |              |
|    |                     |                                                                                                 | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0      | 0           | 0,000 |              |
|    |                     |                                                                                                 | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0      | 0           | 0,000 |              |
|    |                     |                                                                                                 | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0      | 0           | 0,000 |              |
|    |                     |                                                                                                 | Tổng số                   | 25.000 | 250.000.000 | 0,500 |              |
| 25 | NGUYỄN THỊ HỒNG MAI | P512CT4, Khu đô thị mới Tứ Hiệp, Xã Tứ Hiệp, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam        | Cổ phần phổ thông         | 15.000 | 150.000.000 | 0,300 | 001184042612 |
|    |                     |                                                                                                 | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0      | 0           | 0,000 |              |
|    |                     |                                                                                                 | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0      | 0           | 0,000 |              |
|    |                     |                                                                                                 | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0      | 0           | 0,000 |              |
|    |                     |                                                                                                 | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0      | 0           | 0,000 |              |
|    |                     |                                                                                                 | Tổng số                   | 15.000 | 150.000.000 | 0,300 |              |
| 26 | MAI HỒNG SON        | Số nhà 175, tổ 9, đường Định Công, Phường Định Công, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông         | 25.000 | 250.000.000 | 0,500 | 001093010633 |
|    |                     |                                                                                                 | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0      | 0           | 0,000 |              |
|    |                     |                                                                                                 | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0      | 0           | 0,000 |              |
|    |                     |                                                                                                 | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0      | 0           | 0,000 |              |
|    |                     |                                                                                                 | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0      | 0           | 0,000 |              |
|    |                     |                                                                                                 | Tổng số                   | 25.000 | 250.000.000 | 0,500 |              |

## 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|

#### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: BÙI TẤT THÀNH

Giới tính: Nam

Chức danh: *Tổng giám đốc*

Sinh ngày: 18/11/1980

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Hộ chiếu Việt Nam*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: C6297191

Ngày cấp: 07/11/2018

Nơi cấp: *cục quản lý xuất nhập cảnh*

Địa chỉ thường trú: *Số 42 ngõ 32 Tổ 6 đường Trung Văn, Phường Trung Văn, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *D02-L40, An Vượng, Khu đô thị mới Nam Cường, Phường Dương Nội, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội